

Bản án số: **119/2020/HS-PT**

Ngày: 11 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **35/2019/HS-PT** ngày 13 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Quốc T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: **43/2019/HS-ST** ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; bị cáo sống chung như vợ chồng với Trần Thị P từ năm 2013, đến ngày 04/7/2019, Tòa án nhân dân huyện T ban hành bản án số 51/HNGĐ-ST quyết định không công nhận quan hệ hôn nhân giữa Trần Thị P và Nguyễn Quốc T. Bị cáo có 01 người con là cháu Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 29/6/2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1961 (Bố của bị cáo). Trú tại: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Người bào chữa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết S** - Luật sư Công ty Luật Trâm Anh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; bào chữa theo yêu cầu của đại diện hợp pháp cho bị cáo; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 5 năm 2011, Trần Thị Ph (sinh ngày 25/12/1996) đang học lớp 9/12 tại trường Trung học cơ sở Nguyễn T (thuộc thôn H, xã T, huyện T); nhà Nguyễn Quốc T đối diện trường Trường trung học cơ sở Nguyễn Trãi. Trong thời gian này, Nguyễn Quốc T gặp và quen biết với Trần Thị P. Sau thời gian quen nhau, Nguyễn Quốc T và Trần Thị P nảy sinh tình cảm yêu đương và thường đi chơi với nhau. Khi Trần Thị P vào học lớp 10/12 tại trường Trung học phổ thông Phan Châu Trinh (thuộc thôn A, thị trấn T, huyện T) thì Nguyễn Quốc T thường chở Trần Thị P đi học. Vào một đêm đầu tháng 10 năm 2012, Nguyễn Quốc T điều khiển xe mô tô đến nhà Trần Thị P rủ Trần Thị P đi chơi, Trần Thị P đồng ý. Nguyễn Quốc T điều khiển xe chở Trần Thị P đi theo đường ĐT614 hướng từ xã T đi xã T, khi đi qua khỏi cầu Suối Trầu Lớn thuộc thôn H, xã T, huyện T thì Nguyễn Quốc T chở Trần Thị P vào một đám đất trống sát bờ suối, ở bên trái đường theo hướng T - T ngồi nói chuyện. Tại đây, Nguyễn Quốc T nảy sinh ý định quan hệ tình dục với Trần Thị P. Nguyễn Quốc T và Trần Thị P ôm hôn nhau, lúc này dương vật Nguyễn Quốc T cương cứng nên Nguyễn Quốc T cởi quần áo của Trần Thị P và cởi quần áo của Nguyễn Quốc T ra rồi Nguyễn Quốc T thực hiện hành vi giao cấu với Trần Thị P. Trong lúc giao cấu, Nguyễn Quốc T xuất tinh vào bên trong âm đạo của Trần Thị P. Sau khi giao cấu xong, Nguyễn Quốc T và Trần Thị P tự mặc lại quần áo rồi đi về. Đến trưa một ngày giữa tháng 10 năm 2012, do đã hẹn hò với nhau từ trước nên Trần Thị P đi đến nhà Nguyễn Quốc T chơi. Lúc này gia đình Nguyễn Quốc T không có ai ở nhà nên sau một lúc nói chuyện Nguyễn Quốc T dẫn Trần Thị P vào chiếc giường kê trong phòng ngủ của Nguyễn Quốc T. Tại đây, Nguyễn Quốc T và Trần Thị P thực hiện hành vi giao cấu với nhau, trong lúc giao cấu Nguyễn Quốc T xuất tinh vào bên trong âm đạo của Trần Thị P. Đến tháng 12 năm 2012, Trần Thị P phát hiện đã có thai nên nói cho Nguyễn Quốc T biết. Khi biết Trần Thị P có thai Nguyễn Quốc T đã kể cho cha mẹ là ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị T biết. Gia đình Nguyễn Quốc T đã đến gia đình Trần Thị P hỏi cưới Trần Thị P cho Nguyễn Quốc T, gia đình Trần Thị P đồng ý. Nguyễn Quốc T và Trần Thị P tổ chức lễ cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, Trần Thị P về sinh sống cùng gia đình Nguyễn Quốc T tại thôn H, xã T, huyện T. Ngày 29 tháng 6 năm 2013, Trần Thị P sinh một bé gái tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam, sau này đặt tên là Nguyễn Thị Yên V. Tuy nhiên, trong quá trình sinh sống giữa Nguyễn Quốc T và Trần Thị P xảy ra mâu thuẫn nên vào khoảng tháng 02 năm 2016, Trần Thị P đi về nhà mẹ ruột ở và giao con cho Nguyễn Quốc T nuôi dưỡng đến nay. Sau đó, Trần Thị P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho Trần Thị P ly hôn với Nguyễn Quốc T. Ngày 04/7/2019, Tòa án nhân dân huyện T ban hành bản án số 51/HNGĐ-ST quyết định không công nhận quan hệ hôn nhân giữa Trần Thị P và Nguyễn Quốc T, giao cháu Nguyễn Thị Yên V cho Nguyễn Quốc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã lấy mẫu máu của Nguyễn Quốc Tg, Trần Thị P và của cháu Nguyễn Thị Yên V để trưng cầu giám định ADN. Tại bản Kết luận giám định số: 744/C09C(Đ5) ngày 25/7/2019 của Phân viện khoa học hình sự

tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Nguyễn Thị Yên V là con đẻ của Trần Thị P với Nguyễn Quốc T.

Trong quá trình điều tra, nhận thấy Nguyễn Quốc T có dấu hiệu bị bệnh tâm thần. Cơ quan Điều tra Công an huyện T tiến hành trưng cầu giám định xác định khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của Nguyễn Quốc T trước, trong và sau khi thực hiện hành vi giao cấu đối với Trần Thị P. Theo kết quả giám định tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 1014/KLGĐTC ngày 28/10/2019 và Công văn số: 221 ngày 31/10/2019 giải thích Kết luận giám định pháp y tâm thần số 1014/KLGĐTC của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Miền Trung thì trước, trong và sau khi gây án, Nguyễn Quốc T hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: **43/2019/HS-ST** ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Quốc T** phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Quốc T 02** (Hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/12/2019, bị cáo Nguyễn Quốc T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân để làm căn cứ xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 02 năm tù là có cơ sở. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng và bị hại có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo. Do phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; bị cáo từ trước đến nay có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể và rõ ràng, hiện bị bệnh và là người trực tiếp nuôi con theo quyết định của Tòa án; căn cứ Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt để áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa với luận cứ: Đồng thuận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Tại thời điểm có hành vi phạm tội, cả bị cáo và người bị hại đều không am hiểu về quan hệ hôn nhân, gia đình và những hành vi bị pháp luật cấm. Khi bị hại biết mình mang thai thì hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn, vì lúc đó bị hại không đủ tuổi. Sau cưới thì bị hại về chung sống như vợ chồng với bị cáo, rồi sinh con, nuôi con tại thôn H, xã T cho đến khi hai bên phát sinh mâu thuẫn vào khoảng tháng 02/2016. Từ trước đến nay, bị cáo là người trực tiếp nuôi con (*ở nhà riêng đối diện với nhà ông T*); chị P hiện đã có chồng và sinh con vào cuối năm 2019; khi phạm tội bị cáo là người có nhược điểm về tinh thần; thành khẩn khai báo nhận tội

và tỏ rõ sự ăn năn hối cải; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện khắc phục thiệt hại cho người bị hại số tiền 10.000.000 đồng và chị P có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo để nuôi con; bị cáo có nhân thân tốt; nơi cư trú cụ thể và rõ ràng; được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các tổ chức chính trị xã hội và chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam đều xác nhận và đề nghị Toà án xem xét khoan hồng để bị cáo có điều kiện trực tiếp nuôi con và chữa bệnh. Đối chiếu với Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo thì bị cáo Nguyễn Quốc T hội đủ điều kiện để được cải tạo, giáo dục tại địa phương nơi cư trú; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo để áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo thống nhất với luận cứ bào chữa, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng để bị cáo có điều kiện tiếp tục chữa bệnh và nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Quốc T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Quốc T khai nhận: Do tuổi đời còn trẻ, không am hiểu quy định của pháp luật; vào khoảng tháng 10/2012 sau khi tìm hiểu, yêu nhau, bị cáo và bị hại Trần Thị P (sinh ngày 25/12/1996) đã quan hệ tình dục dẫn đến chị P có thai và sinh con chung vào ngày 29/6/2013. Khi chị P có thai, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn vì chị P không đủ tuổi. Sau khi cưới thì cả hai ở chung như vợ chồng tại nhà cha mẹ bị cáo đến khoảng tháng 02/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, chị P bỏ đi làm ăn xa, bị cáo nuôi con từ đó đến nay. Mãi đến tháng 7/2019 khi chị P trở về làm đơn xin ly hôn với bị cáo thì bị cáo bị khởi tố điều tra về tội “Giao cấu với trẻ em”. Hiện bị cáo đang là người trực tiếp nuôi con, ở nhà riêng gần nhà cha mẹ ruột, bị bệnh thần kinh đang phải điều trị, xin được sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo có điều kiện nuôi con và tiếp tục chữa bệnh.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định khoa học hình sự và các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 10/2012 bị cáo Nguyễn Quốc T đã có hành vi 02 lần giao cấu với bị hại Trần Thị P (sinh 25/12/1996), dẫn đến chị P có Thai và sinh con là Nguyễn Thị Yến V vào ngày 29/6/2013. Theo kết luận giám định ADN thì Nguyễn Thị Yến V là con đẻ của bị cáo T và chị P; tại thời điểm giao cấu thì chị P chưa đủ 16 tuổi nên bản án hình sự sơ thẩm số **43**/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam kết án bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “Giao cấu với trẻ em” theo điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự và nhân thân để làm căn cứ xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 02 năm tù, mức án dưới khung hình phạt quy định là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng và bị hại có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 chưa được xem xét, áp dụng. Bị cáo từ trước đến nay có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể và rõ ràng; bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các tổ chức chính trị xã hội và chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam đều xác nhận và đề nghị Tòa án xem xét khoan hồng để bị cáo có điều kiện trực tiếp nuôi con và chữa bệnh.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới và đối chiếu với Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo thì bị cáo Nguyễn Quốc T hội đủ điều kiện để áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, luận cứ của người bào chữa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp, thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc T, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm b, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 của Bộ luật Hình sự 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Quốc T 02** (Hai) năm tù, về tội “*Giao cấu với trẻ em*” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **04** (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 11/5/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Bị cáo Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/5/2020).

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV 06 CA Quảng Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thế Cẩm

